

TRAO ĐỔI

MỘT TRĂM NĂM CẢI LƯƠNG LÀ NĂM NÀO?

Trần Nhật Vy*

Tháng 12/1966, Trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn đã tổ chức Kỷ niệm 50 năm thành lập nghệ thuật cải lương. Tại buổi lễ kỷ niệm này, một diễn giả đã khẳng định chắc rằng, cải lương ra đời năm 1916! Cuối năm đó, tạp chí *Tin văn* do nhà văn Nguyễn Ngọc Lương bút danh Nguyễn Nguyên ra số đặc biệt, số 13, đề “Kỷ niệm nửa thế kỷ sân khấu cải lương”! Vậy cải lương ra đời năm 1916?

Không! Nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển từng nói “*quý vị mặc tình muốn đặt năm sanh của cải lương vào năm nào tùy ý mỗi người*” (Vương Hồng Sển, *50 năm cải lương*, Tủ sách Nam Chi Sài Gòn, 1968, trang 18). Còn nhà nghiên cứu Nguyễn Tuấn Khanh lại trích Vương Hồng Sển thành “*Cải lương là đứa con không cha nên mạnh ai muốn khai tên cha mẹ và khai năm sanh tháng đẻ làm sao cũng được*” (Nguyễn Tuấn Khanh, *Bước đường của cải lương*, Viện Việt học USA, 2014, trang 5).

Và để nghiên cứu sâu thêm với điều kiện mới, năm 1997, nhạc sĩ Kiều Tấn trong luận án làm tại Berlin, Đức “*Cây đàn ghita phím lõm*” đã quả quyết “*Đến năm 1918, nghệ thuật sân khấu cải lương được chính thức ra đời tại Mỹ Tho bởi gánh hát thầy Năm Tú của Châu Văn Tú với vợ Kim Vân Kiều đầu tiên của Trương Duy Toàn tự Mạnh Tự*” (Kiều Tấn, “*Cây đàn ghita phím lõm*”, Berlin, 1997, trang 29). Rồi tới năm 2007, Tuấn Giang trong tác phẩm *Lịch sử cải lương* phổ biến trên mạng internet, tỏ ra chắc chắn rằng “*Sự ra đời sân khấu cải lương, số đông các nhà nghiên cứu thống nhất vào ngày 15-11-1918, hoặc năm 1918 là năm ra đời sân khấu cải lương. Có hai ý kiến cho rằng sân khấu cải lương ra đời năm 1919, sau khi so sánh nhiều nguồn tư liệu tôi đồng tình với nhận định của các nhà nghiên cứu và giới báo chí Sài Gòn lấy năm 1918 xuất hiện nghệ thuật cải lương. Người đầu tiên trương biểu hiệu “hát cải lương” là ban ca kịch của ông Châu Văn Tú, ông luyện tập hai vợ: Kiều Nguyệt Nga và Kim Vân Kiều, nhưng khi công diễn chọn vợ Kim Vân Kiều. Người đầu tiên, phát minh ra trò diễn carabô là cô Ba Đắc. Tác giả đầu tiên của trò diễn carabô có tính cải lương là ông phó Mười Hai.⁽¹⁾ Tác giả đầu tiên có vở diễn cải lương diễn trọn tác phẩm Kim Vân Kiều, ba đêm mới hết là ông Trương Duy Toàn”. (<http://vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=16404>).*

Gần đây nhất, trên báo *Thanh niên*, đạo diễn Hồng Dung, con gái của NSND Năm Châu, Phó Chủ tịch thường trực Hội Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh,

* Thành phố Hồ Chí Minh.

giảng viên Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, cũng khẳng định: “*Riêng tôi biết thì Kim Vân Kiều của ông Trương Duy Toàn mới là vở cải lương đầu tiên. Lúc đó đang thịnh hành ca ra bộ, ông Trương Duy Toàn viết nhiều lớp riêng lẻ cho nghệ sĩ ca, rồi sau ông ghép các lớp lại với nhau, bó cục lại chặt chẽ, thành ra một tuồng*”. (<https://thanhnien.vn/van-hoa/cai-luong-qua-l-the-ky-buoi-dau-cai-cach-hat-ca-theo-tien-bo-948148.html>).

Dù rằng hai ông Kiều Tấn và Tuấn Giang không có chứng minh nào cho sự khẳng định của mình nhưng thời điểm, tuồng, tác giả như hai ông nói đã được đa số người trong nghề chịu! Cả bà Hồng Dung cũng vậy, chỉ nói miệng mà không có gì chứng minh. Và hình như hiện nay có một số tổ chức, cá nhân đang rục rịch chuẩn bị kỷ niệm 100 năm cải lương.

Xin thưa với các vị, những điều mà quý vị xác định là hoàn toàn trật lất! Bởi năm 1918, thầy Năm Tú chưa có gánh hát mà chỉ mới cắt rạp chiếu phim; ông Trương Duy Toàn chưa được thoát án “an trí” còn bị bó chân ở Cần Thơ và tuồng *Kim Vân Kiều* đã có bài ca vọng cổ. Theo tài liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu thì “*bản Dạ cổ hoài lang được ông (Cao Văn Lâu) sáng tác năm 1919*” (*Vọng mãi bản Dạ cổ hoài lang*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu, 2008, trang 7). *Dạ cổ hoài lang* sau này được gọi là bản vọng cổ.

Trước hết về thầy Năm Tú:

Thầy Năm Tú tên thật là Châu Văn Tú, còn gọi là Pierre Tú vì có quốc tịch Pháp, sinh năm 1878, là người xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Ông từng đi Pháp và rất say mê ca nhạc. Năm 1918, ông xây một rạp chiếu bóng bên hông chợ Mỹ Tho tên Cinéma Palace (nay là rạp Tiền Giang), được dân chúng gọi là rạp thầy Năm Tú. Năm 1922, sau khi sang lại gánh hát của thầy Năm Thận tức André Thận ở Sa Đéc, thầy Năm Tú mới lập gánh hát thầy Năm Tú và sửa sang lại rạp chiếu bóng của mình để làm nơi diễn cải lương thường trực.

Gánh hát thầy Năm Tú biểu diễn lần đầu ở Sài Gòn vào ngày 11/11/1922 tại rạp Modern (đọc là rạp Mô Đec, sau này là rạp xi nê Lê Lợi) số 212 đường Espagne (Lê Thánh Tôn). Sau đó, gánh hát thầy Năm Tú hàng tuần diễn ở rạp thầy Năm Tú ở Mỹ Tho ba đêm và ba đêm còn lại diễn ở rạp Eden Chợ Lớn (sau này là rạp xi nê Victory Lê Ngọc). Hoạt động tới năm 1928 thì rã gánh tại Cái Bè, Mỹ Tho. Thầy Năm Tú được ghi nhận có công lớn trong việc phổ biến cải lương qua đĩa hát Pathé có hình con gà trống với lời giáo đầu “*Đây là bạn hát cải lương của thầy Năm Tú ở tại Mỹ Tho, ca cho hãng đĩa Pathé phono nghe chơi*”.

Lẽ ra nên ghi công cho thầy Năm Tú một điều nữa, đó là gánh hát của ông đã đưa lên sân khấu tuồng hát đầu tiên “có bản vọng cổ hoài lang” là tuồng *Kim Vân Kiều*.

Vâng, cho tới nay tôi chưa tìm thấy tuồng cải lương nào trước *Kim Vân Kiều* có bản “Dạ cổ hoài lang”. Xin trích vài đoạn trong tuồng *Kiều du Thanh minh*.

Túy Vân: ca vọng cổ hoài lang

Này lời em khuyên dứt,
Chị chớ chác thắm đeo sầu.
Mà đi nghĩ - suy cơ - cầu.
Cho hao tổn tinh - thần.

Túy Kiều:

Vì em chẳng suy nên lằm.
Thân người là thân ta.
Nầy hồng - nhan tự thuở.
Trong cái đèn bạc mạng chừa ai?

Niềm riêng tưởng thôi xót dạ.
Nay thấy người nằm đó rồi sau...
Rồi sau này biết ta thế nào?
Xót chung phận má đào...

CA VỌNG-CỔ HOÀI-LANG
Này lời em khuyên dứt,
Chị chớ chác thắm đeo sầu.
Mà đi nghĩ-suy cơ-cầu.
Cho hao tổn tinh-thần.
TÚY-KIỀU : Vì em chẳng suy nên lằm.
Thân người là thân ta.

— 7 —
Nầy hồng-nhan tự thuở.
Trong cái đèn bạc mạng chừa ai ?
Niềm riêng tưởng thôi xót dạ.
Nay thấy người nằm đó rồi sau. . .
Rồi sau này biết ta thế nào ?
Xót chung phận má-đào.
UANG : Chị nói quàn hay sao ?
Khéo nhọc lòng nghĩ nỗi đầu đầu.
Ở đây khi âm nặng-nề.
Nỗi dậm về còn xa lằm thay !
: Những dặng sắc tài.
Tự thuở xưa nay.
Dầu cho chẳng may như vậy.
Nhưng cũng còn tinh anh, hiền-linh
Nỗi một trận đông. Đạm-Tiên hiện-hồn)

— 63 —
CA VỌNG-CỔ HOÀI LANG
Phần gì vô duyên bấy,
Cả kiếp mắc phải phong-trần.
Ngày nay trước sau phân rành,
Tôn-sư ghét thương cũng đành.
GIÁC-DUYÊN : Đầy ở đây của phạt,
Phải nào hẹp chi, ấy mà e cho.
Đều phong ba gây đến,
Đề tang ngà nát ngọc còn chi.
Xa lằm xa toan-liệu,
Khuyên chớ chớ nước đến còn quê.
Vì thương nàng mới toan ra bề,
Phùng khi thời bất kỳ,
Nầy nầy sự cũng may,
Sân có nhà họ Bạc gần đây.
Mụ ấy vẫn tay đến thường,
Nơi cửa thiên đầu hương, đó nàng ói !
Tôi xin người, tạm đỡ đó rồi hay. . .
TÚY-KIỀU : Thân đã vậy phải cam để nài,
Ở đây càng lại e lằm thay !
NÓI LỐI. - Nước gần đến căng, lửa đã cháy mây, thế
khó tiện ở đây, có vậy chớ kịp đời chốn ấy.
CA MẠT-XÂY-DE (Marseillaise)
TÚY-KIỀU : Đường đời mình toan đem thân xa lánh,
Cam dưa mủ cho rồi, đủ tang trần-duyên.
Nhưng sao số chưa hết oan-khiến,
Còn mắc lằm, phong-trần mang, luôn bằm gan.
GIÁC-DUYÊN : Cũng cái số, thôi đừng tui, âu òm lòng,
Trời đã xui khiến, phải sao đánh vãng.
Càng phần, nằng chưa dứt thì khó mong,
Nay nước đến, nên toan lo lánh mình,
Cần rằng cam cay-dắng, ấy mới toàn thân.
TÚY-KIỀU : Cắc-cờ lằm chi trời xanh,
Nỡ khéo khiến cho buồn tênh,
Đà cam dưa mủ, ai hay phải còn.
Cứ mắc đóng vai tuồng trần.

Bài ca vọng cổ và ca khúc Tây Marseillaise trong tuồng *Kiều du Thanh minh*.

Với những bài ca cổ này, chắc chắn *Kim Vân Kiều* phải ra đời sau năm 1919 hoặc 1920, thời điểm bài ca này được ông Cao Văn Lầu cho ra đời.

Nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển trong *50 năm cải lương* còn ghi rõ “mấy buổi diễn của gánh hát thầy Năm Tú ở Mỹ Tho lên Sài Gòn hát tại rạp Modern

cinéma ở đường d'Espagne số 212 “đêm thứ bảy 11 và chúa nhật 12 Novembre 1922. Hát cải lương tuồng Kim Vân Kiều. Hát hai hồi. Hồi thứ nhất Túy Kiều du Thanh minh ngộ Kim Trọng. Hồi thứ nhì-Kiều nữ mại thân cứu phụ... Tuần tới ngày thứ bảy 18 và chúa nhật 19 Novembre 1922 sẽ hát tuồng Kim Vân Kiều tiếp theo: Hồi thứ ba Kiều nhập thanh lâu và thứ tư Hoạn Thư ghen bắt Túy Kiều” (Vương Hồng Sển, sách đã dẫn, trang 226-227).

Tuồng *Kim Vân Kiều* mà tôi có trong tay do nhà in Saigon Nguyễn Văn Viết in vào tháng 3/1926 thì *Kim Vân Kiều* là tuồng cải lương gồm 3 tuồng, mỗi tuồng có 7 màn với 65 bài ca và 4 bài thi (thơ). Muốn coi hết *Kim Vân Kiều* thì phải tốn ba đêm diễn!

Ai là tác giả tuồng *Kim Vân Kiều*?

Lâu nay, nhiều người cho rằng, tác giả tuồng *Kim Vân Kiều* là ông Mạnh Tự Trương Duy Toàn. Xin xem lại hành trạng ông Mạnh Tự.

Trương Duy Toàn (1885-1957) là một nhà cách mạng, một nhà văn, một nhà báo từ đầu thế kỷ 20, từng đi nhiều nơi trên thế giới và là thư ký của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Năm 1913, ông bí mật xuất cảnh sang Thượng Hải rồi sau đó cùng Cường Để sang Paris. Tại đây ông đã bị Pháp bắt giam đến năm 1916, rồi bị đưa về an trí ở Nhơn Ái, Phong Điền (Cần Thơ). Đến năm 1919, nhờ Trần Chánh Chiếu và Nguyễn Văn Cửa can thiệp ông mới được thông thả và trở lại nghề báo. Xin lưu ý, chủ nhà in ông Huyện Nguyễn Văn Cửa thời điểm này (1919) là người rất có thế lực ở Nam Kỳ. Ông là chủ nhà in Union nổi tiếng, chủ tờ *Nam Trung nhật báo*, Chủ tịch Hội Báo chương Nam Kỳ và là cha của một sĩ quan Pháp, Nguyễn Văn Xuân, có công trạng trong Chiến tranh Thế giới lần I; người sau này làm Thủ tướng Chính phủ Nam Kỳ tự trị. Với thế lực ấy, việc can thiệp một “can phạm chánh trị” vốn là nhà văn có tiếng, nhà báo trở lại nghề cũng là việc không khó lắm.

Cái khó ở đây là làm thế nào trong thời gian bị quản chế ở Phong Điền ông Toàn có thể làm “thầy tuồng” cho gánh hát thầy Năm Tú vào năm 1918? Có thể trong thời gian ở Phong Điền ông có viết một số bài bản ca tài tử gửi cho gánh hát xiệc của ông André Lê Văn Thận (còn gọi là thầy Năm Thận) ở Sa Đéc. Song việc ngồi sau cánh gà để làm thầy tuồng thì... Xưa các gánh hát thường không có đạo diễn, một tuồng hát lên sân diễn, thì tác giả thường kiêm đạo diễn ngồi sau cánh gà để chỉ đạo cho diễn viên diễn xuất từ khi tập tuồng cho tới lúc ra mắt khán giả. *Kim Vân Kiều* nếu đúng là của Trương Duy Toàn thì ông phải ngồi sau cánh gà, mà thời điểm này ông là chánh trị phạm bị quản thúc ở Phong Điền làm sao có mặt ở Mỹ Tho để làm thầy tuồng được? Giả dụ ông có đi được đi nữa, thì ắt hẳn “lính kín” (công an, mật thám) cũng phải lảng vảng quanh rập. Người làm ăn xưa nay vốn kỹ mấy nhân vật này. Buôn bán, hát xướng mà công an, mật thám lảng vảng thì ai dám vô mua, ai dám vô coi? Và dĩ nhiên mấy ông bầu gánh hát cũng không dám mời.

Tác giả của tuồng *Kim Vân Kiều* mà chúng tôi có trong tay là ông Trương Quan Tiên, một nhà báo thời ấy, sau chuyển sang viết tuồng cải lương. Hiện nay tôi chưa rõ tiểu sử ông này, chỉ biết ông là nhà báo, quê ở Biên Hòa, đồng hương với nhà văn Bình Nguyên Lộc.



Bìa tuồng *Hoan Thơ tróc Kiều*.



Bìa tuồng *Kiều Ngô Từ Hải*.

Như vậy có thể nói rằng, tuồng cải lương “có bản vọng cổ đầu tiên” là *Kim Vân Kiều* của tác giả Trương Quan Tiên do gánh hát thầy Năm Tú diễn buổi đầu tiên ở rạp Modern sau chợ Sài Gòn vào tháng 11/1922.

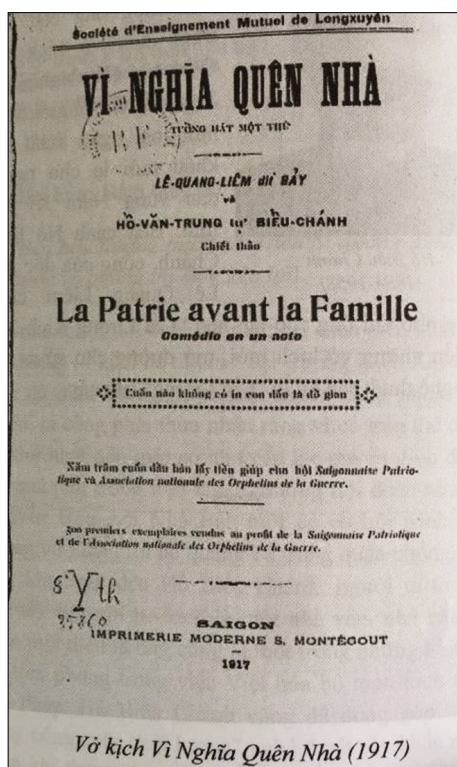
Như vậy cải lương ra đời khi nào? Thế nào là một tuồng cải lương?

Trước hết xin nói về hai chữ “cải lương”.

Cải lương trước tiên được các chính trị gia, các nhà báo thời ấy dùng để phê phán các chính sách thay đổi nửa vời, thay đổi chút chút của chính quyền thực dân. Lần lần hai chữ này trở thành quen miệng đối với dân chúng khi thấy cái gì đó có thay đổi nhưng không thay đổi hoàn toàn. Báo *Lục Tỉnh tân văn* số ra ngày 9/3/1923 có bài “Tình trạng cải lương của người mình” của Trung Trực viết “*Đang buổi phong trào thay cũ làm mới, cái tiếng cải lương xuất hiện ở xứ mình, nghe ra một ngày một cổ võ vô cùng, trong dân bất cứ là làm những việc gì đều mượn hai tiếng cải lương bịa vào để nghe cho đẹp!*”. Nghệ thuật cải lương đã “chiếm” hai chữ cải lương khi các gánh hát “cải lương” ra đời.

Thuở ấy trước áp lực của người thương thức nghệ thuật sân khấu đòi hỏi phải có cái gì đó mới hơn hát bội, ca tài tử trong phòng trà, lạ hơn kịch Tây thì các sân

khẩu cải lương ra đời. Tuồng tích thì gần với người Việt (hát bội đa số tuồng tích Tàu, kịch thì tuồng Tây hoặc nói toàn tiếng Tây), trang trí sân khấu như hát bội, ăn mặc bình thường, có thoại (nói) giống kịch Tây lại có ca như ca tài tử có ra bộ (gọi là carabau = ca ra bộ), có hát nhạc Tây, giàn nhạc thì êm ái hơn không âm ã như hát bội và không dùng nhiều bộ gõ, lời thoại thì gần với đời sống không pha quá nhiều chữ Hán khó hiểu. Các tuồng hát như vậy gọi là tuồng cải lương. Từ năm 1922 trở đi thì cải lương có thêm bài ca *Vọng cổ hoài lang* viết theo nhịp bài *Dạ cổ hoài lang* của Cao Văn Lầu. Bài ca này khác hẳn với những bài ca khác của nhạc tài tử là có thể thể hiện đủ các trạng thái của nhân vật chứ không như bài ca tài tử. Chính vì vậy các tuồng cải lương có bài ca vọng cổ nhanh chóng được khán giả ưa chuộng và cũng giúp cho cải lương phát lên nhanh chóng cuối thập niên 1920 và các thập niên sau đó.



Tuồng *Vi nghĩa quên nhà*.

nên nhóm Cải lương kịch xã được mời lên Sài Gòn diễn tại rạp hát bóng Eden⁽²⁾ vào hai ngày 11 và 12/9/1917, rồi sau đó đi diễn ở Gò Vấp và một vài nơi khác. Nhà báo Nguyễn Chánh Sắt viết trên *Nông cổ mín đàm* ngày 6/9/1917: “*Bổn quán xin nhắc cho liệt vị rõ rằng bạn hát Cải lương này toàn là mấy thầy trong hội khuyến văn tỉnh Long Xuyên làm tuồng, đều là người có học thức, chứ chẳng phải như hát bội Annam mà chúng ta xem thường tự thuở đến nay đâu*”. (Nguyễn Tuấn Khanh, sách đã dẫn, trang 88).

Năm 1916, có phong trào “cải lương hát bội” tức phong trào chấn hưng lại nghệ thuật hát bội đang chết dần. Người đứng đầu phong trào này là nhà báo Lương Khắc Ninh. Không chỉ cổ võ bằng miệng (diễn thuyết), đăng báo *Lục Tỉnh tân văn* và *Nông cổ mín đàm*, mà ông Ninh còn lập luôn gánh “cải lương hát bội” thường được gọi là gánh Bàu Ninh diễn thường trực tại rạp Cầu Muối, đường Hồ Văn Ngà (nay là đường Lê Thị Hồng Gấm).

Cũng vào thời điểm ấy, tại Long Xuyên, Hội Khuyến học Long Xuyên đã thành lập nhóm “Cải lương kịch xã” để diễn thoại kịch hoặc hí kịch. Ngày 14/7/1917, nhóm Cải lương kịch xã đã đưa tuồng *Vi nghĩa quên nhà* bằng hai thứ tiếng Việt Pháp do Đốc phủ Lê Quang Liêm và Đốc phủ Hồ Văn Trung (tên thật của nhà văn Hồ Biểu Chánh) hợp soạn, lên sàn diễn tại Long Xuyên. Tuồng đã tạo được tiếng vang

Đến năm 1918, dưới sự cổ vũ của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut, giới trí thức nhân sĩ của Sài Gòn và Nam Kỳ đã tổ chức một cuộc hát cải lương nhằm quyên góp giúp người Pháp tái thiết sau Thế chiến thứ I. Cuộc hát này do Hội Báo chương Nam Kỳ (trương tự Hội Nhà báo hiện nay) đứng ra vận động với người đứng đầu là ông Nguyễn Văn Cửa, huyện hàm, chủ nhà in, Tổng lý *Nam Trung nhật báo* và là Chủ tịch Hội Báo chương Nam Kỳ. Tuồng cải lương hát bội biểu diễn là tuồng *Pháp Việt nhứt gia* do hai nhà báo Đặng Thúc Liêng và Nguyễn Viên Kiều hợp soạn. Diễn viên cũng hầu hết là nhà báo như Nguyễn Viên Kiều (chủ bút *Nam Trung nhật báo*) vai Vê Rô (Bá Đa Lộc), Nguyễn Chánh Sắt (chủ bút báo *Nông cổ mín đàm*) vai Lê Văn Duyệt, Hồ Văn Trung, chủ nhiệm tạp chí *Đại Việt*, vai Lý trưởng, Nguyễn Kim Đính (chủ bút *Công luận báo*) vai dân làng. Nhạc công thì có Ký Quờn (Trần Quang Quờn) tòa án Vĩnh Long, Ký Hiệp, nghiệp chủ Sài Gòn, Cao Quỳnh Cư, thơ ký hãng xe lửa, Ba Thảo, nghiệp chủ Mỹ Tho... Vì có sự ủng hộ của Albert Sarraut nên dân chúng gọi nhóm hát này là “gánh hát Bàu Rô”. Buổi diễn đầu tiên vào đêm 20/10/1918 tại nhà hát Tây (nhà hát thành phố hiện nay), qua đêm 21/10 diễn tại rạp Eden trong Chợ Lớn, đêm 22/10 diễn ở rạp Hội đồng Ngân trong Gò Vấp. Sau đó, gánh hát đã đi Lục tỉnh biểu diễn cho đến hết tháng 11/1918 mới rã.

Năm 1919, tại Sa Đéc, ông Lê Văn Thận còn gọi là André Thận hoặc thầy Năm Thận nguyên là “cò tàu” (kiểm soát viên tàu bè), vì mê nghệ thuật nên mời một số người trong hội Sadec Amis lập một gánh hát xiệc lấy tên Sa Đéc Tâm Chon Ban, sau đó đổi thành Tân Nam Việt, còn gọi là Cirque Jeune Annam, dân chúng quen gọi là gánh hát xiệc thầy Năm Thận. Gánh này trình diễn lần đầu tại Sa Đéc vào tháng 8/1918 với các tiết mục hát bóng, hát xiệc, ảo thuật, đờn ca và chung bướm bướm. Chung bướm bướm là múa theo kiểu Tây phương, diễn viên mặc áo lụa mỏng có thêu kim tuyến.

Sau một thời gian diễn gánh của André Thận được gọi là gánh “hát xiệc cải lương” vì có một số bài bản ca ra bộ do ông Trương Duy Toàn viết.

Từ năm 1921 trở đi thì đã có nhiều gánh hát ra đời như tháng 8/1921 gánh Tân Thịnh ra đời ở rạp Bò Rệt (đường Yersin hiện nay), tháng 9/1921 gánh Văn Hí Ban khai trương ở một rạp trên đường Gò Công Chợ Lớn. Rồi sau đó là Tập Ích Ban, Tân Ích Ban, Kỳ Lân Ban, Đồng Bào Nam... Tất nhiên có nhiều gánh hát thì có cạnh tranh. Vì không có rạp, phải đầu tư nhiều về trang phục và trang thiết bị và có thể cả tuồng mới nữa, nên André Thận coi như phá sản. Ông đã cho rã gánh sau buổi diễn ngày 19/3/1922 tại rạp Modern đường Espagne. Số đào kép của André Thận đã được sang lại cho thầy Năm Tú để lập gánh hát thầy Năm Tú.

Như vậy có thể nói rằng, những gì được viết gần đây về lịch sử cải lương còn nhiều lắm lẫn, thiếu chính xác. Và việc chọn một tiêu chí “cải lương” để kỷ niệm 100 năm cải lương là chưa có.

Nếu chọn kỷ niệm cải lương là lúc có đoàn hát hoặc vở diễn đầu tiên thì thời điểm là năm 1917, thời điểm ra đời tuồng *Vì nghĩa quên nhà* của nhóm Cải lương kịch xã ở Sa Đéc, năm nay đã quá 100 năm. Nếu tiêu chí chọn gánh hát ra đời đầu tiên thì phải là gánh của thầy Năm Thận ra đời năm 1919. Hoặc chọn tuồng có bài ca vọng cổ thì phải chọn *Kim Vân Kiều* của gánh thầy Năm Tú thì là năm 1922, tức là tới năm 2022 sắp tới.

Việc lấy năm 1918 là thiếu cơ sở và hoàn toàn không trùng với lịch sử.

T N V

CHÚ THÍCH

- (1) Tên thật là Tống Hữu Định, người Vĩnh Long.
- (2) Lúc ấy rạp Eden ở Sài Gòn chuyên chiếu phim, còn rạp Eden trong Chợ Lớn thường diễn ca nhạc kịch.

TÓM TẮT

Hiện nay, một số nhà nghiên cứu cho rằng thời điểm ra đời của sân khấu cải lương là vào năm 1918, gắn với sự kiện tuồng cải lương *Kim Vân Kiều* của soạn giả Trương Duy Toàn được công diễn lần đầu tiên tại rạp thầy Năm Tú ở Mỹ Tho.

Tác giả bài viết này cho rằng, những gì được viết gần đây về lịch sử cải lương còn nhiều nhầm lẫn, thiếu chính xác. Và việc chọn một tiêu chí để kỷ niệm 100 năm cải lương là cần phải xem xét lại.

Nếu chọn kỷ niệm cải lương là lúc có đoàn hát hoặc vở diễn đầu tiên thì thời điểm là năm 1917, thời điểm ra đời vở tuồng *Vì nghĩa quên nhà* của nhóm Cải lương kịch xã ở Sa Đéc. Nếu tiêu chí chọn gánh hát ra đời đầu tiên thì phải là gánh của thầy Năm Thận ra đời năm 1919. Hoặc chọn tuồng có bài ca vọng cổ thì phải chọn vở *Kim Vân Kiều* của gánh thầy Năm Tú diễn năm 1922. Việc chọn năm 1918 như hiện nay là thiếu cơ sở và hoàn toàn không đúng với lịch sử.

ABSTRACT

WHAT YEAR IS THE ONE HUNDRED YEARS OF CẢI LƯƠNG (REFORMED THEATRE)?

At present, some researchers believe that Cải lương (Reformed theatre) was born in 1918, which is associated with the occasion when *Kim Vân Kiều* play by composer Trương Duy Toàn was first performed at artist Năm Tú's theater in Mỹ Tho.

The author of this article thinks that what has been written recently about the history of Cải lương is much confused and inaccurate. And the selection of a criterion to celebrate the 100th anniversary of Cải lương needs to be reconsidered.

If we choose to celebrate the birth of Cải lương at the time when the first troupe or first Cải lương play came into being, the time is the year 1917, when *Vì nghĩa quên nhà* play was first performed by Cải lương and Drama Group in Sa Đéc. If the birth of the first Cải lương troupe is chosen as a criterion, it is artist Năm Thận's troupe, which was established in the year 1919. Or if a play with "Vọng cổ" (Nostalgia for the past) songs is chosen as a criterion, *Kim Vân Kiều* play performed by artist Năm Tú's troupe in 1922 must be chosen. The choosing of the year 1918 as it is today is groundless and not in conformity with history.